TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2026
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Duệ.
2/ Ông Lang Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lang Thanh Như – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1992; Căn cước công dân: 040192029396; Nơi đăng ký thường trú: Xóm H, xã Q, tỉnh Nghệ An; Tạm trú tại: Số nhà A, ngõ C, tổ D, đường T, phường T, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Trương Văn G**, sinh năm: 1994; Căn cước công dân: 040094010547; Địa chỉ nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã M, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Hiện đang sinh sống, lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 01 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân. Đến khoảng tháng 5 năm 2023 anh G xuất cảnh sang Singapore, từ đó hai vợ chồng không còn giữ liên lạc với nhau, không có sự quan tâm, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và nuôi con chung. Do vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của

hôn nhân không đạt được do đó chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trương Văn G.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn G có 02 (hai) con chung là Trương Nguyễn Anh N, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/01/2016. Giải quyết ly hôn chị T đề nghị giao 02 (hai) con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trương Văn G: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, đồng thời tống đạt văn bản tố tụng thông qua người thân là bố, mẹ đẻ là ông Trương Văn B, sinh năm 1970 và bà Trương Thị Thị G1, sinh năm 1966, trú tại: Xóm T, xã M, tỉnh Nghệ An, yêu cầu anh Trương Văn G có ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của bị đơn, nhưng anh G vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Theo ý kiến trình bày của bố, mẹ đẻ của anh G trong thời gian ở nước ngoài, anh G vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua mạng xã hội, nhưng không cho biết địa chỉ nơi sinh sống, làm việc hiện tại của mình tại Singapore, sau khi nhận thông tin từ người thân anh G biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn tại Toà án, anh G đồng ý giải quyết ly hôn với chị T, đối với những vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa chị T và anh G ông B, bà G1 cho biết đó là việc riêng của vợ chồng, do chị T và anh G tự thỏa thuận và quyết định, ông bà không có ý kiến gì.

Ý kiến, nguyện vọng của 02 (hai) người con chung Trương Nguyễn Anh N, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/01/2016: Mong muốn được tiếp tục ở cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn anh Trương Văn G trước khi xuất cảnh có nơi đăng ký thường trú tại xóm T, xã M, tỉnh Nghệ An, hiện đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài không biết địa chỉ nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ và đảm bảo quyền cho các đương sự tham gia tố tụng và đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ đúng quy định. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn được người thân thông báo cho biết việc nguyên đơn khởi kiện ly hôn và có ý kiến đồng ý, tuy nhiên không có văn bản phản hồi, việc bị đơn vắng mặt được xác định thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trương Văn G.

+ Về con chung: Đề nghị tiếp tục giao 02 (hai) con chung Trương Nguyễn Anh N, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/01/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn chị T tạm thời chưa yêu cầu, bị đơn anh Trương Văn G không có ý kiến phản hồi nên chưa xem xét.

+ Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Trương Văn G, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G; không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung, Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo lời trình bày của chị T, anh Trương Văn G đang cư trú, lao động tại Singapore nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Ngày 05/01/2026, Phòng Q1, Công an tỉnh N gửi Công văn phản hồi số 31/QLXNC-Đ1 cung cấp thông tin anh Trương Văn G xuất cảnh lần cuối vào ngày 26/10/2025 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án đã tiến hành xác minh, ghi nhận ý kiến bố, mẹ đẻ của anh G là ông Trương Văn B và bà Trương Thị G1 và được cung cấp thông tin anh G đang sinh sống, lao động tại Singapore vẫn thường xuyên giữ liên lạc về gia đình, gia đình đã thông báo cho biết sự việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn anh Trương Văn G trước khi xuất cảnh có địa chỉ thường trú cuối cùng tại xóm T, xã M, tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài. Căn cứ quy định Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện, chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn đã được niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng qua người thân hợp lệ theo quy định nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình vắng mặt, không cung cấp địa chỉ cũng như không có văn bản phản hồi, nêu ý kiến của mình đối với những yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn về việc giải quyết vụ án theo quy định, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai của bố, mẹ đẻ anh G cung cấp, anh G đang sinh sống, lao động tại Singapore nhưng không biết địa chỉ cụ thể, anh G vẫn giữ liên lạc thường xuyên về cho người thân trong gia đình qua mạng xã hội và điện thoại, anh G biết việc chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, anh G

đồng ý ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Anh G biết việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng không cung cấp địa chỉ và vắng mặt trong các lần được yêu cầu làm việc cũng như tại phiên tòa nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo và cung cấp những tài liệu cần thiết. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn G đăng kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 13/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q cũ, nay là xã M, tỉnh Nghệ An, hôn nhân đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, trước khi anh G đi xuất khẩu lao động vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến ly thân, tháng 5 năm 2023 anh G xuất cảnh sinh sống, làm việc tại Singapore, từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, cắt đứt mọi quan hệ. Đến nay giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, tình cảm giữa vợ chồng không còn, chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trương Văn G. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cho ly hôn với anh Trương Văn G là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn G có 02 (hai) con chung là Trương Nguyễn Anh N, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/01/2016. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, cũng như nguyện vọng của con chung và ý kiến của đương sự, thấy rằng việc giao nuôi con sau khi giải quyết ly hôn cần đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung. Chị T hiện đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, các con chung đều có nguyện vọng được sống chung cùng chị T, anh G hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn do vậy không thể giao nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần tiếp tục giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật sau khi ly hôn, đồng thời tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người

trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T tạm thời chưa yêu cầu buộc bị đơn anh Trương Văn G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, bị đơn anh Trương Văn G không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hai bên có quyền thỏa thuận giải quyết hoặc khi xảy ra tranh chấp có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung bằng vụ án khác.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, bị đơn anh Trương Văn G vắng mặt và không có văn bản hoặc ý kiến phản hồi. Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dan sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 121, 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 35, 39, 207, 147, 227, 228, 238, 271, 273; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Văn G.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Trương Nguyễn Anh N, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dướng nuôi con chung đối với anh Trương Văn G.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn G, hai bên có quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu xảy ra tranh chấp.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003658 ngày 15/12/2025.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Văn Đông